Tên: ……..

Lớp: S9…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Week: 8

Từ vựng và Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

UNIT 1: VIEWS & VOICES - VOCABULARY REVISION

A. THEORY

I. VOCABULARY REVISION A

Con truy cập link hoặc quét QR code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://on.soundcloud.com/3baW3SDHgPAJzK07Fn

1. Research & Opinions

No.	Words/Phrases	Meaning	No.	Words/Phrases	Meaning
1	**be portrayed in the media** (phr)	được khắc họa / đưa tin trên truyền thông	5	**get the impression** (phr)	có cảm giác / ấn tượng
2	**take sth seriously** (phr)	coi trọng / nghiêm túc xem xét việc gì	6	**give one's own views** (phr)	đưa ra ý kiến / quan điểm cá nhân của mình
3	**be based on** (phr)	dựa trên / dựa vào cái gì	7	**succumb to bad influences** (phr)	đầu hàng / khuất phục trước những ảnh hưởng xấu
4	**carry out a study** (phr)	tiến hành một nghiên cứu			

2. Interaction & Behaviour

No.	Words/Phrases	Meaning	No.	Words/Phrases	Meaning
1	**distract sb from sth** (phr)	làm ai đó xao nhãng, phân tâm khỏi điều gì	8	**establish** (v)	thiết lập / thành lập
2	**encourage sb to do sth** (phr)	khuyến khích, động viên ai đó làm gì	9	**interrupt sb** (phr)	ngắt lời, làm gián đoạn ai đó
3	**get into trouble for doing sth** (phr)	gặp rắc rối vì làm gì	10	**concentrate on sth** (phr)	tập trung vào việc gì
4	**be supposed to do sth** (phr)	được cho là phải làm gì	11	**tell sb off** (phr)	trách, mắng ai đó
5	**take sb's attention away from sth** (phr)	làm ai đó chú ý sang hướng khác, xao nhãng khỏi cái gì	12	**go on about sth** (phr)	nói đi nói lại điều gì
6	**social flexibility** (n)	khả năng thích ứng xã hội	13	**follow the rules** (phr)	tuân thủ quy định, luật lệ
7	**reckon** (v)	cho rằng / nghĩ rằng			

LIVEWORKSHEETS

II. VOCABULARY REVISION B

1. Role models & Media

No.	Words/Phrases	Meaning	No.	Words/Phrases	Meaning
1	**inspire** (v)	truyền cảm hứng	7	**protester** (n)	người biểu tình
2	**overcome obstacles** (phr)	vượt qua các rào cản / chướng ngại vật	8	**audience** (n)	khán giả / thính giả
3	**turn to someone for advice** (phr)	tìm đến ai đó để xin lời khuyên	9	**rehearse** (v)	diễn tập / tập luyện
4	**stand up for what you believe in** (phr)	bảo vệ / đấu tranh cho những gì bạn tin tưởng	10	**brainstorm** (v)	động não / suy nghĩ tìm ý tưởng
5	**headline** (n)	tiêu đề bài báo / tin chính	11	**suggestion** (n)	lời gợi ý / sự đề xuất
6	**bias** (n)	sự thiên vị / định kiến	12	**visual** (n/adj)	(thuộc) thị giác, trực quan / hình ảnh minh họa

2. General Academic Vocabulary

No.	Words/Phrases	Meaning	No.	Words/Phrases	Meaning
1	**influence** (n)	ảnh hưởng, tác động / sự ảnh hưởng	8	**come across** (phr)	tình cờ gặp / tình cờ thấy
2	**represent** (v)	đại diện cho / đại diện / thể hiện	9	**fashionable** (adj)	hợp thời trang / hợp mốt / chuẩn xu hướng
3	**abandon** (v)	từ bỏ / ruồng bỏ / bỏ rơi	10	**possess** (v)	sở hữu / có
4	**decade** (n)	thập kỷ (khoảng thời gian 10 năm)	11	**influential** (adj)	có sức ảnh hưởng lớn

LIVEWORKSHEETS

III. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét QR code để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://on.soundcloud.com/N8LDPcMPs1ayruWWSS

No.	Words/Phrases	Meaning	No.	Words/Phrases	Meaning
1	**presumably** (adv)	có lẽ, nhiều khả năng là	4	**pick (something) up** (phr)	tiếp thu, học được một kỹ năng mới một cách tự nhiên
2	**construct** (v)	xây dựng, chế tạo, lắp ráp theo mô hình hoặc cấu trúc phức tạp	5	**enrol** (v)	đăng ký, ghi danh
3	**humanoid** (adj)	có hình dáng hoặc đặc điểm giống con người			

B. CLASSWORK

VOCABULARY (10 questions)

I. Choose the correct answers.

1. For their Global Perspectives project, Grade 9 students are required to _____ on the environmental impacts of plastic waste in local areas.
A. go on about B. carry out a study C. get into trouble D. tell someone off

2. According to the school regulations, all students _____ switch off their mobile phones before entering the examination hall.
A. are supposed to B. reckon to C. establish to D. concentrate to

3. Frequent notifications on smartwatches can easily _____ students _____ focusing on the teacher's explanation during class.
A. encourage / to B. prevent / to C. distract / from D. keep / away

4. Many young people complain that they _____ in a negative light by the media, which causes adults to misunderstand their choices.
A. are based B. are portrayed C. are interrupted D. are established

5. Without strong critical thinking skills, teenagers may easily _____ when facing intense pressure from their peers.
A. give their own views B. take things seriously
C. succumb to bad influences D. follow the rules

II. Read the text below and fill in each blank (1–5) with the most suitable word or phrase from the box. There are THREE extra words that you do not need to use.

possess	overcome obstacles	turn to	rehearse
visual	stand up for	headline	protester

YOUNG LEADERS OF TODAY

In today's modern world, many teenagers are actively choosing to (1) _____ what they believe in. Instead of staying silent, they use social media to organize youth events and raise awareness about global issues like environmental protection.

However, becoming a young activist is not always easy. To make a real difference, these students have to (2) _____, such as lack of support or doubts from adults. Despite these hard challenges, their hard work often catches the attention of the media, sometimes even making the front-page (3) _____ of big newspapers.

LIVEWORKSHEETS

When facing difficult decisions during their campaigns, young leaders often (4) _____ experienced mentors for advice to find the best solutions. Their achievements show that age does not matter, and teenagers can definitely (5) _____ all the necessary qualities to lead positive changes in society.

C. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển mỗi từ ở phần A. THEORY (trang 1-3). Với những từ sau: be portrayed in the media, take something seriously, be based on, carry out a study, get the impression, give one's own views, distract someone from something, encourage someone to do something, get into trouble for doing something, be supposed to do something, social flexibility, establish, concentrate on something, tell someone off, influential, con chép 1 dòng vào vở ghi.

II. Circle the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

1. To ensure fair coverage of the youth festival, the school journalists were asked to report the events objectively, without any **bias** towards their own classes.

A. prejudice B. fairness C. influence D. interest

2. After months of preparation, the Grade 9 drama club decided to **abandon** their school play project due to a lack of funding.

A. continue B. cancel C. rehearse D. represent

3. Although vintage clothing styles from the 1990s are currently very **fashionable** among teenagers, many students still prefer simple school uniforms.

A. modern B. popular C. out of date D. influential

4. While doing research on renewable energy in the library, Minh **came across** an old article written by a famous environmentalist a decade ago.

A. found by chance B. looked for deliberately

C. looked through quickly D. thought of suddenly

5. Dr. Adams is considered an **influential** speaker whose powerful opening address managed to inspire hundreds of students at the Vinschool Youth Summit.

A. powerful B. inspiring C. unimportant D. creative

LIVEWORKSHEETS

III. Read the conversation below between two Grade 9 students, Minh and An. Complete each blank (1–5) with the most suitable word or phrase from the box. There are THREE extra options that you do not need to use. Use each option only once.

tell someone off	**take attention away from**	**social flexibility**	**get the impression**
go on about	**reckon**	**encourage**	**interrupt**

Minh: Hey An, have you started working on our History presentation for next week yet?

An: I have, but I (1) _____ that our group isn't working as carefully as we should. Everyone seems a bit relaxed.

Minh: Don't worry too much. I'll talk to the team members and (2) _____ them to contribute more ideas during today's meeting.

An: Thanks, Minh. Also, when we design the slides, we shouldn't put too many flashy animations. They might (3) _____ the main topic and make it hard for the class to focus.

Minh: Good point! By the way, what do you think about Mr. Quan's advice on structuring our talk?

An: I (4) _____ so.

Minh: Exactly. One last thing: when someone is presenting, we should listen carefully and not (5)_____ them until they finish speaking. It's basic presentation etiquette.

An: Agreed. Let's meet up at the library after school to finalize everything!

IV. Rewrite each sentence using the word given in brackets so that the meaning stays the same as the original one. You must write the FULL sentence, keep the order of the clauses, and do not change the word given.

1. The students were discussing solutions to climate change when the bell rang. **(BEING)**

→ _____

2. Technicians were repairing the computers in the IT lab all morning yesterday. **(REPAIRED)**

→ _____

3. Staff members were not using the main conference room at 4 PM yesterday due to maintenance. **(BEING)**

→ _____

_____

4. Why were local journalists interviewing the eco-club members? **(BEING)**

→ _____

5. Was someone recording the school concert when the power went out? **(RECORDED)**

→ _____

LIVEWORKSHEETS

LISTENING PRACTICE (10 questions)

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con cần tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Con truy cập link hoặc quét QR code để làm bài nghe nhé:
https://on.soundcloud.com/beFtHyEDhs5YIT8NVF

Questions 1-10: Complete the notes below. Write ONE WORD AND/OR A NUMBER for each answer.

Children's Engineering Workshops

Tiny Engineers (ages 4–5)

Activities

- Create a cover for an **1** ..... so they can drop it from a height without breaking it.
- Take part in a competition to build the tallest **2** ..... .
- Make a **3** ..... powered by a balloon.

Junior Engineers (ages 6–8)

Activities:

- Build model cars, trucks and **4** ..... and learn how to program them so they can move.
- Take part in a competition to build the longest **5** ..... using card and wood.
- Create a short **6** ..... with special software.
- Build, **7** ..... and program a humanoid robot.

Cost for a five-week block: £50

Held on **8** ..... from 10 am to 11 am

Location

Building 10A, **9** ..... Industrial Estate, Grasford

Plenty of **10** ..... is available.

LIVEWORKSHEETS